UBND PHƯỜNG AN BIÊN
TRUNG TÂM DV SỰ NGHIỆP CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 11 năm 2026

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN (ĐỢT 1)

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án ĐTXD tuyến đường kết nối từ Cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển đoạn từ đường tỉnh 363 trên địa bàn phường An Biên, thành phố Hải Phòng
(đợt 1 – 17 hộ đất nông nghiệp)

I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội số 254/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/1/2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15; số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2026 ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 2 năm 2026 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP Hải Phòng; số 1133/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 2 năm 2026 ban hành đơn giá bồi

thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Số 779/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363; số 3818/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng: số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 ban hành quy định tiêu chí xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn thành phố; số 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;

- Thực hiện các thông báo thu hồi đất của UBND phường An Biên: số 3673, 3675-3689, 3692/TB-UBND ngày 28/10/2026 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363 trên địa bàn phường An Biên, thành phố Hải Phòng;

- Căn cứ Bản đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính do Công ty CP đo đạc và khoáng sản lập ngày 26 tháng 10 năm 2026; Biên bản kiểm kê đất đai, vật kiến trúc, cây cối hoa màu của các hộ dân; Bảng xác định tỷ lệ % thu hồi đất nông nghiệp của các hộ dân trong chỉ giới thu hồi của Dự án ngày 07/11/2026; Công văn số 110/XDMT ngày 09/11/2026 v/v tính hỗ trợ ổn định đời sống tại Dự án; Trích lục nguồn gốc đất của 17 hộ do UBND phường An Biên phê duyệt ngày 07/11/2026.

II. TỔNG QUAN DỰ ÁN

*** Tên Dự án:** Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363.

*** Chủ đầu tư Dự án:** Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông HP

*** Địa điểm:** Tổ 37 phường An Biên, thành phố Hải Phòng

*** Tổng diện tích thu hồi theo Bản đồ địa chính Dự án:** 51.751,85m^2

III. NỘI DUNG

*** Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ:** Đã được niêm yết công khai vào ngày …./11/2026 tại Trụ sở UBND phường An Biên, địa điểm sinh hoạt chung tổ dân phố số 37 và gửi trực tiếp tới hộ dân để lấy ý kiến. Ngày .../..../2026, Trung tâm

dịch vụ sự nghiệp công phối hợp với phòng chức năng phường An Biên tổ chức họp lấy ý kiến và đối thoại với các hộ dân về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ.

1. Diện tích đất thu hồi *(tổng hợp các phương án chi tiết tại mục 9)*

Diện tích đất thu hồi (đợt 1): 6.369,6m^2 *(diện tích trong chỉ giới: 6.311,3m^2, diện tích ngoài chỉ giới: 58,3 m^2)*, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 6.639,6 m^2;
- Đất khác : 0,0 m^2.

2. Tổng số người có đất thu hồi: 17 hộ gia đình, cá nhân.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Không có phương án

4. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi:

- Không có phương án

5. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi

- Không có phương án

6. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 6.281.568.600 đ (***Sáu tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm đồng)***, gồm:

- Bồi thường về đất	:	828.048.000 đ
- Bồi thường tài sản, vật kiến trúc	:	0.0 đ
- Bồi thường cây cối, hoa màu	:	60.186.600 đ
- Các khoản hỗ trợ	:	5.393.334.000 đ
+ Hỗ trợ ổn định đời sống	:	931.500.000 đ
+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi việc làm:		4.140.240.000 đ
+ Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh:		248.414.400 đ
+ Hỗ trợ khác:		73.179.600 đ

7. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Thực hiện theo các Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân phường An Biên

8. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư *(có bảng tổng hợp và phương án chi tiết từng hộ kèm theo)*

9. Bồi thường về đất, bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất

9.1. Bồi thường về đất

- Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: căn cứ quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024:

+ Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền hàng năm, được bồi thường về đất khi có một trong các điều kiện sau:

+ Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

+ Có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất làm căn cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 137 của Luật này;

+ Nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật từ người có quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng chưa hoàn thành thủ tục đăng ký đất đai;

***Đối với đất nông nghiệp**:

- Căn cứ Khoản 1, khoản 2 Điều 96 Luật đất đai năm 2024:

Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất, nếu đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 95 của Luật này thì được bồi thường bằng đất nông nghiệp hoặc bằng tiền hoặc bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở. Việc bồi thường về đất nông nghiệp được quy định như sau:

+ Diện tích đất nông nghiệp được bồi thường bao gồm diện tích trong hạn mức quy định tại Điều 176 và Điều 177 của Luật này và diện tích đất do được nhận thừa kế

+ Đối với diện tích đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vượt hạn mức trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo quy định của Chính phủ

- Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025

"Điều 7. Bảng giá đất

1. Bảng giá đất là một trong các căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất; tính thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc sử dụng đất; tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa; thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước; bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư lấn biển hoặc dự án đầu tư có hạng mục lấn biển hoặc các trường hợp không áp dụng được bảng giá đất thì thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật đất đai"

- Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành Hải Phòng ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố áp dụng kể từ ngày 01/01/2026;

- Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;

- Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 4 của Nghị quyết 33/2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định tiêu chí xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn thành phố;

Theo đó xác định giá đất trồng cây hằng năm, gồm đất trồng lúa và trồng cây hàng năm khác trên địa bàn phường An Biên là 130.000 đ/m2.

**** Tổng diện tích đất được bồi thường : 6.369,6 m²/17 hộ***

**** Tổng số tiền bồi thường về đất: 828.048.000 đồng***

9.2. Bồi thường vật kiến trúc

- Không có vật kiến trúc trên đất

9.3. Bồi thường cây cối, hoa màu

* Căn cứ Điều 103 Luật đất đai năm 2024, điểm 1 khoản 2 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ:

- Đối với cây hằng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch đối với cây trồng đó. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của loại cây trồng đó tại địa phương và đơn giá bồi thường;

- Đối với cây lâu năm, mức bồi thường được tính theo giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây.

Đối với cây lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần mà đang trong thời kỳ thu hoạch thì mức bồi thường được tính bằng sản lượng vườn cây còn chưa thu hoạch tương ứng với số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch và đơn giá bồi thường;

Trường hợp đối với cây lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần mà không xác định được sản lượng vườn cây còn chưa thu hoạch tương ứng với số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch thì mức bồi thường được tính bằng giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây

- Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại.

- Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại thực tế theo mức bồi thường cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định;

- Chủ sở hữu cây trồng, vật nuôi quy định tại các mục trên được tự thu hồi cây trồng, vật nuôi trước khi bàn giao lại đất cho Nhà nước

* Áp dụng Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 2 năm 2026 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP Hải Phòng; số 1133/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 2 năm 2026 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

**** Số hộ được bồi thường về cây cối, hoa màu: 15 hộ***

**** Tổng số tiền bồi thường về cây cối, hoa màu: 60.186.600 đồng***

9.4. Các khoản hỗ trợ

9.4.1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

- Áp dụng Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 4 Điều 2 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; khoản 1, khoản 3 Điều 12 Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND Thành phố Hải Phòng. Việc hỗ trợ ổn định đời sống được quy định cụ thể như sau:

+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất mà thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;

+ Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;

+ Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;

+ Mức hỗ trợ chi trả một lần cho 1 nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30kg gạo tẻ /01 tháng; áp dụng giá gạo theo Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 06/11/2026 của UBND phường An Biên v/v phê duyệt giá gạo trung bình phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn phường An Biên năm 2026 là: 22.500đ/kg.

+ Số nhân khẩu trong hộ gia đình được hỗ trợ tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 là những người có chung quyền sử dụng đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nhân khẩu là thành viên hộ gia đình phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó (nếu có); việc xác định số nhân khẩu có chung quyền sử dụng đất do các thành viên trong hộ gia đình tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật

**** Số hộ được hỗ trợ ổn định đời sống: 17 hộ***

**** Tổng số tiền hỗ trợ ổn định đời sống: 931.500.000 đồng***

9.4.2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

- Căn cứ khoản 1 Điều 109 Luật đất đai năm 2024: hỗ trợ bằng tiền đối với các đối tượng sau

+ Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, được công nhận quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền;

+ Cá nhân thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền;

+ Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, trừ trường hợp cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp;

- Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ: hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 của Luật đất đai là hộ đang sử dụng đất nông nghiệp có ít nhất một thành viên có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó (bao gồm cả thành viên phát sinh sau thời điểm sử dụng đất nông nghiệp) tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

- Căn cứ khoản 1 Điều 14 Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND Thành phố Hải Phòng: mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được tính bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí trong bảng giá đất do UBND thành phố ban hành đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi; diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 của Luật đất đai năm 2024.

**** Số hộ được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 17 hộ***

**** Tổng số tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 4.140.240.000 đồng***

9.4.3. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh

- Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ: đối tượng được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh

+ Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bị ngừng sản xuất, kinh doanh mà có đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh;

- Căn cứ khoản 1 Điều 13 Quyết định 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND Thành phố Hải Phòng:

+ Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất nhận giao khoán) thì được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy đổi ra tiền; mức hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m^2 thu hồi. Giá đất bồi thường theo giá đất quy định trong Bảng giá đất của thành phố.

Theo đó giá đất bồi thường quy định trong Bảng giá đất của thành phố đối với đất trồng lúa nước và trồng cây hàng năm khác là: 130.000đ/m2

**** Số hộ được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 17 hộ***

**** Tổng số tiền hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 248.414.400 đồng***

9.4.4. Hỗ trợ khác:

**** Đối với cây trồng, vật nuôi:***

- Căn cứ khoản 12 Điều 17 Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng:

+ Hỗ trợ cây trồng, vật nuôi không thể di dời trên đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường, đã tự chuyển đổi cơ cấu cây trồng (kể cả đất chuyên trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác): cây trồng, vật nuôi trên đất không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng: hỗ trợ 30% mức bồi thường theo đơn giá

bồi thường thiệt hại đối với cây trồng (hoặc vật nuôi là thủy sản) khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố.

** Số hộ được hỗ trợ khác: 17 hộ*

** Tổng số tiền hỗ trợ khác: 73.179.600 đồng*

NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
Mạc Thị Hoàng Giang	**Đào Trọng Hạnh**

UBND PHƯỜNG AN BIÊN

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA CÁC HỘ DÂN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐTXD TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ CẦU RÀO 3 ĐẾN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ VEN BIỂN ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG BÙI VIỆN ĐẾN ĐƯỜNG TỈNH 363 TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG AN BIÊN

(Kèm theo Phương án bồi thường hỗ trợ ngày 06 tháng 11 năm 2026)

STT	Họ tên chủ sử dụng đất	Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Kinh phí bồi thường đất (đồng)	Bồi thường vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)				Tổng tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
							Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hỗ trợ khác		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	Nguyễn Thị Lập	Nguyễn Đức Tuấn và vợ là bà Lê Thị Kim Liên	883,2	114.816.000	-	9.633.000	105.300.000	574.080.000	34.444.800	10.330.200	**848.604.000**	
2	Nguyễn Văn Trọng	Nguyễn Đức Tuấn và vợ là bà Lê Thị Kim Liên	504,6	65.598.000	-	5.291.000	64.800.000	327.990.000	19.679.400	10.214.400	**493.572.800**	
3	Nguyễn Văn Lục (đã chết), vợ là bà Phạm Thị Trịnh (người đại diện)		544,7	70.811.000	-	5.395.000	48.600.000	354.055.000	21.243.300	2.940.600	**503.044.900**	
4	Phạm Thị Hồng (đã chết, con là ông Nguyễn Văn Bầy đại diện)	Nguyễn Kim Quý	78,4	10.192.000	-	260.000	149.850.000	50.960.000	3.057.600	1.816.800	**216.136.400**	
5	Phạm Văn Lục		166,0	21.580.000	-	1.365.000	97.200.000	107.900.000	6.474.000	785.400	**235.304.400**	
6	Nguyễn Thị Nghĩa		470,0	61.100.000	-	5.005.000	81.000.000	305.500.000	18.330.000	1.541.400	**472.476.400**	

STT	Họ tên chủ sử dụng đất	Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Kinh phí bồi thường đất (đồng)	Bồi thường vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)				Tổng tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
							Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hỗ trợ khác		
7	Nguyễn Văn Điệp		721,8	93.834.000	-	7.904.000	20.250.000	469.170.000	28.150.200	3.183.600	**622.491.800**	
8	Nguyễn Văn Vinh	Phạm Duy Huệ	614,0	79.820.000	-	2.600.000	40.500.000	399.100.000	23.946.000	5.178.000	**551.144.000**	
9	Nguyễn Văn Phỏng		213,4	27.742.000	-	2.080.000	28.350.000	138.710.000	8.322.600	873.600	**206.078.200**	
10	Nguyễn Anh Thủy		74,4	9.672.000	-	260.000	26.325.000	48.360.000	2.901.600	1.299.000	**88.817.600**	
11	Trần Thị Kỳ		52,1	6.773.000	-	364.000	32.400.000	33.865.000	2.031.900	690.000	**76.123.900**	
12	Nguyễn Văn Thặng (ông Thặng đã chết). Bà Nguyễn Thị Hiền (là con đẻ làm diện)		574,8	74.724.000	-	6.188.000	60.750.000	373.620.000	22.417.200	2.364.000	**540.063.200**	
13	Đoàn Thị Khối	Nguyễn Hồng Hà	95,7	12.441.000	-	-	14.175.000	62.205.000	3.732.300	1.792.800	**94.346.100**	
14	Nguyễn Thị Hà		183,0	23.790.000	-	2.001.000	40.500.000	118.950.000	7.137.000	8.149.200	**200.527.200**	
15	Nguyễn Văn Nhượng (đã chết), vợ là bà Bùi Thị Nhiều đại diện	Nguyễn Thị Hà	556,2	72.306.000	-	5.603.000	20.250.000	361.530.000	21.691.800	13.811.400	**495.192.200**	
16	Lê Văn Nho (đã chết). Vợ là bà Nguyễn Thị Chũm đại diện	Nguyễn Thị Hà	484,6	62.998.000	-	6.237.600	56.700.000	314.990.000	18.899.400	5.149.200	**464.974.200**	

STT	Họ tên chủ sử dụng đất	Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Kinh phí bồi thường đất (đồng)	Bồi thường vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)				Tổng tiền kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
							Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hỗ trợ khác		
17	Nguyễn Thị Ninh		152,7	19.851.000	-	-	44.550.000	99.255.000	5.955.300	3.060.000	172.671.300	
			6.369,6	828.048.000	-	60.186.600	931.500.000	4.140.240.000	248.414.400	73.179.600	6.281.568.600	

TỔNG KINH PHÍ BT, HT: **6.281.568.600 đồng**

Bằng chữ: ***Sáu tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm đồng./.***